

Bản án số: 09/2020/HSST

Ngày: 12/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Công

2. Ông Đặng Hoàng Hùng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐXXST-HS ngày 28/4/2020 đối với bị cáo:

Lương Ngọc N, sinh năm 1998 tại: huyện S, tỉnh P; nơi cư trú: Buôn T, xã I, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Ngọc D và bà Trần Thị N; tiền án: không; tiền sự: Ngày 13/02/2019, bị Công an xã Đ, huyện K, tỉnh G ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng (*hình thức phạt tiền 750.000 đồng, đến nay chưa chấp hành nộp phạt*); bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/11/2019 đến ngày 03/12/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nay S, sinh ngày 17/7/2001.

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh S Q, sinh ngày 24/5/2002.

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho S Q: Bà Siu V; sinh năm: 1983 (là mẹ của

S Q)

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Rmah T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh Rơ Lan H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Anh Võ Xuân T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, TP B, tỉnh Đ. Vắng mặt.

4. Anh Phan Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Ksor V, sinh ngày 17.8.2001.

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Anh Ksor TS, sinh năm 2003. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ksor H' H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Buôn GLA, xã I, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Anh Kpuih T, sinh năm 16/02/2006. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Kpuih T bà Kpuih Th (là mẹ của Kpuih T).

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Bà Ngô Thị Vân - Trợ Giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h ngày 26/10/2019, Lương Ngọc N lang thang tại quán Internet thuộc thị trấn P thì gặp anh Nay S. Thấy S điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX, màu Nâu-Vàng- Đen, BKS 81D1-016.65 thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Để tạo lòng tin, N rủ S đi nhậu. S đồng ý và rủ thêm bạn Ksor TS, Rmah N (cùng trú ở Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh G) và Ksor V (trú tại huyện P, tỉnh G) nhậu cùng. Khoảng 21h00 cùng ngày, N nhờ S chở về nhà tại khu vực ngã ba C X, phường C, thị xã A. S đồng ý và rủ nhóm bạn đi cùng. Khi đi đến ngã ba C, N nói dối là nhà mình không có ai ở nhà rồi rủ S cùng nhóm bạn đến quán cháo gà gần cây xăng 15 thuộc tổ 8, P. Đ K, thị xã A nhậu tiếp. Trong lúc nhậu N giả vờ mượn xe mô tô nói trên đi về nhà mình lấy tiền trả tiền nhậu và mượn điện thoại hiệu OPPO F5 màu bạc của anh S để liên lạc cho người nhà. Anh S tưởng thật nên đồng ý giao điện thoại, chìa khóa và xe mô tô cho N. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô và điện thoại, N điều khiển xe mô tô đến khu vực chợ C S, huyện C, tỉnh G bán chiếc điện thoại nói trên cho anh Nguyễn Tuấn N (SN: 1985, trú tại tổ 4, thị trấn C, huyện C) được 750.000đ rồi đón xe khách chở chiếc xe mô tô chiếm đoạt được của anh Nay S đi đến xã H, thành phố B, tỉnh Đ. Tại đây, N bán xe mô tô cho anh Võ Xuân Tr (SN 1986, trú tại Thôn 6, xã H, TP. B, tỉnh Đ) lấy 1.100.000đ tiền cá nhân.

Khoảng 15h ngày 19/11/2019, Lương Ngọc N đến quán Internet AK thuộc tổ 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh G chơi game thì gặp S Q đang chơi game.

Khi thấy S Q có xe mô tô hiệu NanFang, màu Đen BKS: 81B1-961.78 thì liền nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của S Q để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và chơi game. N chủ động làm quen với S Q, sau đó hỏi S Q mượn xe mô tô để đi ăn cơm. Do S Q mới quen biết N nên S Q nói với bạn mình là Kpuih T (trú tại Thôn K, thị trấn C, huyện C) đi cùng N. Do có Kpuih T đi cùng nên N chở Kpuih T đến chợ thị trấn C ăn cơm rồi tiếp tục chở Kpuih T đến quán thịt chó thuộc tổ 5, thị trấn C nhậu. Tại đây, N nói Kpuih T ngồi chờ N đi lấy tiền trả tiền nhậu rồi N điều khiển xe mô tô BKS 81B1- 961.78 đi đến thế chấp cho anh Phan Văn T (trú tại Tổ 2, huyện C, tỉnh G) với số tiền 1.200.000đ. Do xe không có giấy tờ nên Phan Văn T đưa trước cho N 600.000đ, hẹn N đưa giấy tờ xe mô tô thì Phan Văn T đưa số tiền còn lại. Sau đó, N quay lại quán Internet AK để gặp S Q và nói “xe mô tô của mày bị Công an giao thông bắt, mày đưa giấy tờ để tao nhờ bạn xin cho”. Nghe vậy, S Q cùng N về nhà S Q ở Thôn K, thị trấn C lấy giấy tờ xe thì gặp ông Rơ Lan H (bố của S Q). N nói với ông Rơ Lan H “xe máy đã bị Công an giao thông bắt, giờ phải có giấy tờ xe để đi lấy xe về”, ông Rơ Lan H nghe vậy lấy giấy tờ xe đưa cho S Q. S Q cầm giấy tờ xe cùng N đi đến nhà Phan Văn T. N lấy giấy tờ xe từ S Q đưa cho Phan Văn T và lấy 600.000đ tiền thế chấp xe còn lại. N đi ra chỗ S Q đợi và nói với S Q “giờ muộn rồi, có gì để ngày mai bạn tao xin giao thông lấy xe mày ra”. S Q và N quay lại quán Internet AK tiếp tục chơi game. Lợi dụng lúc S Q không để ý, N bỏ trốn đến ngày 27/11/2019 thì bị phát hiện và N bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn: Nâu-Vàng- Đen, số máy: JC52E5029562, số khung: 522XCY012301, BKS: 81D1-016.65 có trị giá: 6.900.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19 ngày 03/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ayun Pa kết luận: Điện thoại di động hiệu OPPO, loại F5 có trị giá: 750.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 57 ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô hiệu NanFang, màu Đen, số máy: 99110187, số khung: 000184, BKS: 81B1-961.78 có trị giá 2.250.000đ.

Vật chứng vụ án:

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn: Nâu-Vàng- Đen, số máy: JC52E5029562, số khung: 522XCY012301;BKS 81D1-016.65.Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Rmah T là chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô hiệu NanFang, màu Đen, số máy: 99110187, số khung: 000184; BKS: 81B1-961.78 và 01(một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050880, BKS: 81B1-961.78. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Rơ Lan H là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Võ Xuân T yêu cầu Lương Ngọc N hoàn trả lại số tiền 1.100.000đ là số tiền anh Võ Xuân T mua xe mô tô BKS: 81D1- 016.65. Anh Nay S yêu cầu Lương Ngọc N bồi thường 1.600.000đ trị giá chiếc điện thoại OPPO, F5 do bị can đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 13 tháng 3 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố bị cáo Lương Ngọc N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nay S trị giá chiếc điện thoại bị chiếm đoạt là 1.600.000đ; bồi thường cho anh Võ Xuân T 1.100.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đồng thuận với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và đánh giá về nhân thân của bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, vì bị cáo sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, ít được học hành. Về mức hình phạt, người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lương Ngọc N không có nghề nghiệp ổn định, có cách sống lang thang, buông thả. Để có tiền thỏa mãn nhu cầu chi tiêu cá nhân, bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước. Thực hiện ý định của mình, bị cáo đã chủ động làm quen với các bị hại, rủ bị hại ăn nhậu, cùng chơi game để tạo lòng tin. Sau đó đã lừa dối các bị hại để mượn tài sản (là xe máy và điện thoại) của họ đi giải quyết việc riêng rồi chiếm đoạt để bán và cầm cố lấy tiền. Trong các ngày 26/10/2019 và 19/11/2020, bị cáo đã thực hiện xong hai vụ lừa đảo bằng thủ đoạn nói trên. Tài sản chiếm đoạt được là 02 xe mô tô và 01 điện thoại di động trị giá 10.650.000 đồng. Trị giá tài sản chiếm đoạt được tại mỗi lần phạm tội đều đủ định lượng cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại và những người liên quan trong quá trình điều tra, phù với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo về tội danh nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:* Bị cáo có nhân thân không tốt. Ngày 13/02/2019, đã bị Công an xã Đ, huyện K, tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành

vi Gây rối trật tự công cộng nhưng đến nay vẫn chưa chấp hành. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi vụ án được phát hiện, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải xử lý nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và làm tốt công tác rắn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án, còn có một số người liên quan đã mua bán, nhận cầm cố các tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Những người này đều không biết rõ các tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý là đúng quy định.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại giai đoạn điều tra, anh Võ Xuân T yêu cầu Lương Ngọc N hoàn trả lại số tiền 1.100.000đ là số tiền anh T mua xe mô tô BKS: 81D1- 016.65. Anh Nay S yêu cầu Lương Ngọc N bồi thường 1.600.000đ trị giá chiếc điện thoại OPPO, F5 do bị can đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện trả lại cho anh T và anh S các khoản tiền theo yêu cầu. HĐXX công nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[6] *Về Vật chứng vụ án:* Đã được Cơ quan điều tra xử lý từ giai đoạn điều tra, việc xử lý là đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên:* Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

Phạt bị cáo Lương Ngọc N **20** (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho bị hại Nay S 1.600.000 đồng; trả lại cho anh Võ Xuân T 1.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

3. Về án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng Điều 21, Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lương Ngọc N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự để sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/5/2020, bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị hại, những người liên quan cùng những người đại diện hợp pháp vắng mặt có quyền kháng cáo bản án và phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKSND TX. A;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh G;
- CQĐT Công an TX. A;
- CQ THA. HS Công an TX. A;
- Các bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu TA.

Nguyễn Văn Toàn